

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN KHTN 6

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì I khi kết thúc nội dung: Bài 23 phân môn Sinh học (16 tiết), tiết 1,2 bài 5 phân môn Lí (2 tiết) , tiết 1 bài 14 phân môn Hóa học (14 tiết)
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
 - Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 8 câu), mỗi câu 0,25 điểm;
 - Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 2,0 điểm; Thông hiểu: 1,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1. Mở đầu về KHTN (9T – 27,5%)		2		1	1(Câu 17-2đ)				1	3	2,75
2. Chất quanh ta (7T – 20%)		2		2			1 (C18-1đ)		1	4	2

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
3. Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu (5T – 15%)		2	1 (C19-1đ)								1,5
4. Tế bào (12T – 37,5%)	1(C20-2đ)	2		5					1	7	3,75
Số câu	1	8	1	8	1		1		4	16	
Điểm số	2	2	1	2	2		1		6	4	10
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 GIỮA HK I

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL	TN	TL	TN

			(Số câu)	(Số câu)	(Số câu)	(Số câu)
1. Mở đầu (7 tiết)			1	3	C1 7	C1, C2, C3
- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Nhận biết					
		– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.				
		– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.		1		C1
		– Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...).		1		C2
	Thông hiểu					
		– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.		1		C3
		– Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.				
		– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.				
	Vận					

	dụng bậc thấp	– Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.	1		C1 7	
		– Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.				
		– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.				
	Các phép đo (2 tiết)			1		C4
- Đo chiều dài	Nhận biết					
		- Nêu được cách đo chiều dài				
		- Nêu được đơn vị đo chiều dài		1		C4
		- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài				
	Thôn g hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)				
		– Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.				
		– Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.				
		- Ước lượng được chiều dài				

	Vận dụng bậc thấp	- Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.				
		– Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài bằng thước				
	Vận dụng bậc cao					
	2. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen và không khí (7 tiết)			4		C5, C6, C7,C8
– Sự đa dạng của chất – Ba thể (trạng thái) cơ bản của – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất - Oxygen. Không khí	Nhận biết	Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh)				
		– Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta.				
		– Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên.		1		C6
		- Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo.				
		- Nêu được chất có trong các vật vô sinh.				
		- Nêu được chất có trong các vật hữu sinh.				
		Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.				
		– Nêu được khái niệm về sự nóng chảy				

		– Nêu được khái niệm về sự sôi.		1		C5
		– Nêu được khái niệm về sự bay hơi.				
		– Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ.				
		– Nêu được khái niệm về sự đông đặc.				
	Thông hiểu	- Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh.				
		– Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất.				
		– Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.				
		– Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn, lỏng, khí				
		- So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ.				
		– Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi.				
		– Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).				

		– Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.		1		C8
		– Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).		1		C7
		– Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.				
		– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.				
	Vận dụng					
		– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại.				
		– Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí.				
		– Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.				
		– Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.				
	Vận dụng	- Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.				

	cao	- Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí. – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.	1		C18	
	3. Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu (6 tiết)		1	2	C19	C9,C10
Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng	Nhận biết	– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu như: + Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh, ...); + Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng; + Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi, ...);		2		C9, C10
	Thông hiểu	– Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu. – Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.	1		C19	
	Vận dụng	– Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu,				

		nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng.				
	Vận dụng cao					
	4. Tế bào – Từ tế bào đến cơ thể (12 tiết)		1	5	C20	C11, C12, C13, C14, C15
– Khái niệm tế bào – Hình dạng và kích thước tế bào – Cấu tạo và chức năng tế bào – Sự lớn lên và sinh sản của tế bào – Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống	Nhận biết					
		- Nêu được khái niệm tế bào.				
		- Nêu được chức năng của tế bào.				
		- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.		1		C11
		- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.				
		- Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.				
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật.				
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.	1		C20	

	Thông hiểu	– Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào.		3		C12, C13,C14
		– Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.		1		C15
		– Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào $\rightarrow$ 2 tế bào $\rightarrow$ 4 tế bào... $\rightarrow$ n tế bào).		1		C16
	Vận dụng bậc thấp	– Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật, tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.				
		- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.				

TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI SƠN Họ và tên : Lớp :	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2022-2023 MÔN: KHTN 6 Thời gian: 60 phút (Không kể thời gian giao đề)	
Điểm:	Nhận xét của thầy (cô) giáo:	Chữ ký của giám thị

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM. (4.0 điểm)

Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Mang đồ ăn vào phòng thực hành.
- B. Có thể nhận biết hóa chất bằng cách ngửi hóa chất.
- C. Để hóa chất không đúng nơi quy định sau khi làm xong thí nghiệm.
- D. Đọc kỹ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

Câu 2. Cách sử dụng kính lúp nào sau đây là **đúng**?

- A. Đặt kính cách xa mắt, mắt nhìn vào mặt kính.
- B. Đặt kính ở khoảng 20 cm, mắt nhìn vào mặt kính.
- C. Đặt kính ở khoảng sao cho nhìn thấy vật rõ nét, mắt nhìn vào mặt kính.
- D. Đặt kính ở chỗ thiếu ánh sáng, mắt nhìn vào mặt kính.

Câu 3. Đối tượng nghiên cứu nào sau đây **không** thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên?

- A. Nghiên cứu về tâm sinh lí của lứa tuổi học sinh.

- B. Nghiên cứu hành tinh sao Hỏa trong Hệ Mặt Trời.
- C. Nghiên cứu lai tạo giống cây trồng cho năng suất cao.
- D. Nghiên cứu quá trình tạo thạch nhũ trong hang động.

Câu 4. Đơn vị nào là đơn vị đo độ dài hợp pháp của nước ta?

- A. Mét (m).
- B. Kilômét (km).
- C. Centimét (cm).
- D. Đềximét (dm).

Câu 5. Sự sôi là

- A. sự bay hơi ở trong lòng chất lỏng.
- B. sự bay hơi trên bề mặt thoáng của chất lỏng.
- C. sự nóng chảy trên bề mặt thoáng của chất rắn.
- D. sự bay hơi cả ở trong lòng chất lỏng lẫn cả trên bề mặt thoáng của nó.

Câu 6. Dãy gồm các vật thể tự nhiên là:

- A. con mèo, xe máy, con người.
- B. con sư tử, đồi núi, mỏ cao su.
- C. cây cam, quả nho, bánh ngọt.
- D. bánh mì, nước ngọt có gas, cây cối.

Câu 7. Thành phần không khí gồm những gì?

- A. 21% nitrogen, 78% oxygen.
- B. 21% oxygen, 78% nitrogen.
- C. 21% oxygen, 78% nitrogen, 1% khí khác.
- D. 21% nitrogen, 78% oxygen, 1% khí khác.

Câu 8. Chọn phát biểu **sai**:

- A. Oxygen cần thiết cho sự quang hợp của cây xanh.
- B. Oxygen oxi hóa được hết các kim loại
- C. Oxygen cần thiết cho quá trình hô hấp của động vật.
- D. Oxygen là một chất hoạt động hóa học rất mạnh, nhất là ở nhiệt độ cao.

Câu 9. Cho các vật liệu sau: nhựa, thủy tinh, gốm, đá, thép. Số vật liệu nhân tạo là

- A/ 2
- B/ 3
- C/ 4
- D/ 5

Câu 10. Nhiên liệu lỏng gồm các chất?

- A. Nến , cồn , xăng
- B. Dầu, than đá, củi
- C. Biogas, cồn, củi
- D. Cồn, xăng, dầu

Câu 11. Đơn vị cấu tạo nên cơ thể sống gọi là gì?

- A. Mô
- B. Tế bào
- C. Biểu bì
- D. Bào quan

Câu 12. Loại tế bào nào sau đây có thể quan sát bằng mắt thường?

- A. Tế bào mô giậu.
- B. Tế bào vảy hành.
- C. Tế bào trứng cá.
- D. Tế bào vi khuẩn.

Câu 13. Trong các loài sinh vật dưới đây, loài nào có cấu tạo tế bào hoàn thiện hơn?

- A. Cầu khuẩn.
- B. Tôm sông
- C. Tảo lục đơn bào.
- D. Trùng giày.

Câu 14. Nhân của tế bào có chức năng gì?

- A. Tham gia trao đổi chất với môi trường.
- B. Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.
- C. Là trung tâm điều khiển mọi hoạt động của tế bào.
- D. Là nơi tạo ra năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động của tế bào.

Câu 15. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào có ý nghĩa gì?

- A. Khiến cho sinh vật già đi.
- B. Tăng kích thước của cơ thể sinh vật.
- C. Ngăn chặn sự xâm nhập của các yếu tố từ bên ngoài vào cơ thể.
- D. Tăng kích thước của sinh vật, thay thế các tế bào già, chết và các tế bào bị tổn thương.

Câu 16. Từ 1 tế bào ban đầu qua 2 lần phân chia liên tiếp có bao nhiêu tế bào con được hình thành?

- A. 2.
- B. 4.
- C. 8.
- D. 16.

B. PHẦN TỰ LUẬN. (6.0 điểm)

Câu 17. (2.0đ) Em hãy trình bày cách sử dụng kính hiển vi?

Câu 18. (1.0đ)



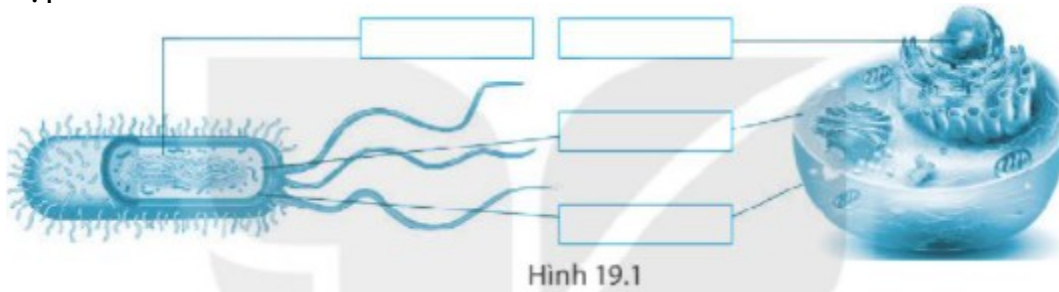
a) Em có nhận xét gì về các hình ảnh trên?

b) Là học sinh, em phải làm gì để bảo vệ môi trường không khí?

Câu 19. (1.0đ) Hãy cho biết quặng bauxite (bô xit) được khai thác ở đâu trên nước ta, dùng làm nguyên liệu để sản xuất chất gì?

Câu 20. (2.0đ)

a) Hãy điền tên các thành phần của tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực vào các ô trống trong hình 19.1 cho phù hợp.



b) Nêu điểm giống và khác nhau giữa các tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.

----- Hết -----

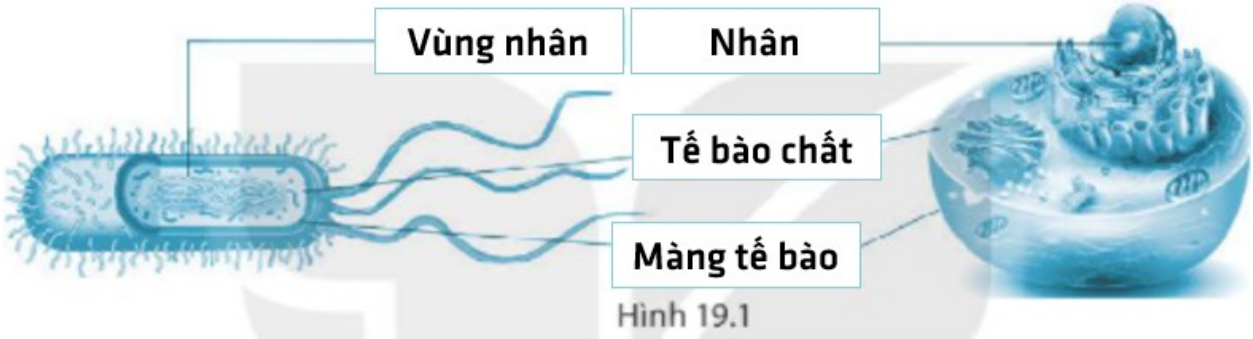
TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI SƠN	ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I-NĂM HỌC 2022-2023 MÔN KHTN 6
------------------------	---

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0đ) Mỗi câu đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐA	D	C	A	A	D	B	D	A	C	D	B	C	B	C	D	B

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0đ)

Câu	Nội dung	Thang điểm
17 (2.0đ)	Bước 1: Chọn vật kính thích hợp theo mục đích quan sát.	0.25 đ
	Bước 2: Điều chỉnh ánh sáng cho thích hợp với vật kính.	0.25 đ
	Bước 3: Đặt tiêu bản lên bàn kính, dùng kẹp để giữ tiêu bản. Vặn ốc to theo chiều kim đồng hồ để hạ vật kính gần sát vào tiêu bản.	0.5 đ
	Bước 4: Mắt nhìn vào thị kính, vặn ốc to theo chiều ngược lại để đưa vật kính lên từ từ, đến khi nhìn thấy mẫu vật cần quan sát.	0.5 đ
	Bước 5: Vặn ốc nhỏ thật chậm, đến khi nhìn thấy mẫu vật thật rõ nét.	0.5 đ

18 (1.0đ)	a) Hình ảnh trên là hình mô tả về ô nhiễm môi trường. b) - Trồng cây xanh. - Giữ gìn vệ sinh môi trường xung quanh. - Không xả rác bừa bãi. - Tuyên truyền, vận động , nâng cao ý thức cộng đồng về vấn đề bảo vệ môi trường không khí	0.25 0.75
19 (1.0đ)	Quặng bauxite (bô xit) được khai thác ở Lâm Đồng; Dùng làm nguyên liệu để sản xuất nhôm	0.5 0.5
20 (2.0đ)	a)  Hình 19.1 b)	Mỗi ý đúng được 0.25đ Mỗi ý đúng được 0.33đ

	Thành phần	Giống	Khác	
	Tế bào			
	Tế bào nhân sơ			
	Tế bào nhân thực	- Điều gồm có 3 thành phần cơ bản của tế bào	- Tế bào nhân sơ chưa có màng bao bọc nhân - Tế bào nhân thực có màng bao bọc nhân	

----- Hết -----